BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2026/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định việc phối hợp giữa cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15; Luật số 34/2024/QH15; Luật số 59/2024/QH15; Luật số 99/2025/QH15; Luật số 103/2025/QH15; Luật số 105/2025/QH15; Luật số 106/2025/QH15; Luật số 128/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp giữa cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định việc phối hợp giữa cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân với cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam trong việc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các nguyên tắc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam quy định tại Điều 3 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời, tạo điều kiện hỗ trợ nhau thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Bảo đảm chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phối hợp trong bàn giao, tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm bàn giao tài liệu, hồ sơ kèm theo, đồ vật, tư trang, tiền, tài sản khác của người bị tạm giữ, người bị tạm giam và thông tin cần thiết liên quan đến người bị tạm giữ, người bị tạm giam, trẻ em dưới 36 tháng tuổi đi theo (nếu có) với cơ sở giam giữ để phục vụ việc phân loại, bố trí giam giữ; đồng thời bổ sung, thay thế các văn bản, tài liệu bị sai sót khi bàn giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam cho cơ sở giam giữ.

2. Trong quá trình giao, nhận nếu phát hiện người bị tạm giữ, người bị tạm giam có thương tích, bị bệnh nặng, có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình hoặc trình bày đang có thai, có tiền sử sử dụng ma tuý thì ghi nhận cụ thể vào biên bản giao, nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

3. Trường hợp cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc thấy việc người bị tạm giữ, người bị tạm giam gặp người thân thích có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án, vụ việc thì phải có văn bản đề nghị Thủ trưởng cơ sở giam giữ không đồng ý cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam gặp người thân thích trong đó nêu rõ lý do, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc; thời gian không cho gặp người thân thích không được dài hơn thời hạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm thông báo cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người thân thích của họ biết về việc không đồng ý cho thăm gặp khi có yêu cầu thăm gặp. Trường hợp chưa hết thời gian không đồng ý cho thăm gặp, cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc xét thấy việc thăm gặp người thân thích không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án, vụ việc thì có văn bản đề nghị Thủ trưởng cơ sở giam giữ giải quyết cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam được gặp người thân thích theo quy định.

Điều 4. Phối hợp trong bố trí giam giữ để phục vụ việc tạm giữ, tạm giam, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án

1. Trường hợp cơ quan đang thụ lý vụ án thấy cần thiết phải bố trí giam giữ để bảo đảm công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án thì có văn bản đề nghị Thủ trưởng cơ sở giam giữ bố trí giam giữ trong đó nêu rõ lý do và thời gian áp dụng. Đồng thời, thường xuyên trao đổi với cơ sở

giam giữ về những thông tin liên quan; phối hợp với cơ sở giam giữ bảo đảm tuyệt đối an toàn trong việc bố trí giam giữ. Khi kết thúc, cơ quan đang thụ lý vụ án có văn bản đánh giá kết quả việc phối hợp bố trí giam giữ, các yêu cầu nghiệp vụ khác và gửi Thủ trưởng cơ sở giam giữ.

2. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đang thụ lý vụ án thực hiện yêu cầu bố trí giam giữ; trường hợp không thể thực hiện thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ phải trao đổi ngay bằng văn bản với cơ quan đang thụ lý vụ án.

3. Khi Viện kiểm sát tiến hành kiểm sát việc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cơ sở giam giữ có trách nhiệm thông báo cho Kiểm sát viên biết việc bố trí giam giữ để phục vụ việc tạm giữ, tạm giam, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Điều 5. Trao đổi thông tin

1. Cơ quan đang thụ lý vụ án, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm trao đổi kịp thời diễn biến tư tưởng và các thông tin có liên quan về người bị tạm giữ, người bị tạm giam phục vụ công tác quản lý giam giữ; thông báo bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử cho cơ sở giam giữ biết khi chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan khác thụ lý vụ án.

2. Khi có yêu cầu của cơ quan đang thụ lý vụ án, cơ sở giam giữ trao đổi thông tin về diễn biến tư tưởng, thái độ chấp hành Nội quy cơ sở giam giữ, tình trạng sức khỏe và các thông tin liên quan đến người bị tạm giữ, người bị tạm giam phục vụ công tác giải quyết vụ án.

3. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan đang thụ lý vụ án các trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam trước khi hết thời hạn tạm giữ, gia hạn tạm giữ, thời hạn tạm giam, gia hạn tạm giam. Cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm xử lý kịp thời các thông báo nêu trên của cơ sở giam giữ.

Điều 6. Phối hợp trong việc điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam giữa các cơ sở giam giữ

1. Khi thực hiện điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền, Thủ trưởng cơ sở giam giữ nơi chuyển đi có trách nhiệm bàn giao người, hồ sơ, đồ vật, tư trang, tiền, tài sản khác của người bị tạm giữ, người bị tạm giam đã gửi lưu ký cho cơ quan, người có nhiệm vụ áp giải.

2. Cơ sở giam giữ nơi nhận có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, bố trí giam giữ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận, cơ sở giam giữ có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú và Viện kiểm sát có thẩm quyền biết.

Điều 7. Phối hợp quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam khi trích xuất để phục vụ các hoạt động bên trong khu vực cơ sở giam giữ

1. Cơ quan đang thụ lý vụ án có yêu cầu trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam để phục vụ các hoạt động bên trong khu vực cơ sở giam giữ thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ thực hiện trích xuất, cử cán bộ thực hiện nhiệm vụ áp giải để bàn giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam cho cơ quan đang thụ lý vụ án quản lý. Cán bộ thực hiện nhiệm vụ áp giải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đang thụ lý vụ án quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong thời gian trích xuất.

2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được phân công giải quyết vụ án khi có yêu cầu làm việc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam bên trong khu vực cơ sở giam giữ phải xuất trình quyết định phân công thụ lý, giải quyết vụ án hoặc văn bản đồng ý của Thủ trưởng hoặc người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án đó và có trách nhiệm trực tiếp quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong suốt quá trình làm việc bảo đảm an toàn, đúng quy định. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có yêu cầu làm việc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam của vụ án khác thì phải có văn bản đồng ý của Thủ trưởng hoặc người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án đó.

3. Trường hợp người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được phân công giải quyết vụ án có yêu cầu đưa bị can, bị cáo đang tại ngoại hoặc người tham gia tố tụng khác để thực hiện các hoạt động tố tụng bên trong khu vực cơ sở giam giữ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng hoặc người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án và gửi cho Thủ trưởng cơ sở giam giữ biết trước để phối hợp thực hiện.

Điều 8. Phối hợp quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam khi trích xuất ra ngoài cơ sở giam giữ để phục vụ hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử, thực hiện giao dịch dân sự đối với những trường hợp không được uỷ quyền

1. Khi thực hiện lệnh trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam ra ngoài khu vực cơ sở giam giữ, cơ quan có nhiệm vụ áp giải căn cứ vào tính chất, đặc điểm của vụ án và các yếu tố khác để xây dựng kế hoạch áp giải; việc giao, nhận phải lập biên bản, ghi rõ tình trạng sức khỏe của người được trích xuất và ghi vào sổ theo dõi; cơ sở giam giữ trao đổi những thông tin liên quan đến người được trích xuất cho cán bộ có trách nhiệm áp giải, quản lý. Việc trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam ra ngoài khu vực cơ sở giam giữ bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng.

2. Trường hợp trích xuất nhiều người bị tạm giữ, người bị tạm giam cùng một lúc hoặc đối tượng phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, tái phạm

nguy hiểm ra ngoài khu vực cơ sở giam giữ phục vụ hoạt động tố tụng thì cơ quan, người có nhiệm vụ áp giải phải có kế hoạch báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm bảo đảm tuyệt đối an toàn.

3. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có yêu cầu trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam của vụ án khác để phục vụ hoạt động tố tụng thì phải có văn bản trao đổi và đồng ý của cơ quan đang thụ lý vụ án đó.

Điều 9. Phối hợp quản lý người bị tạm giam là bị cáo khi trích xuất phục vụ xét xử tại phiên tòa

1. Tòa án có thẩm quyền phải gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và lệnh trích xuất người bị tạm giam là bị cáo cho cơ sở giam giữ nơi đang giam giữ bị cáo chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa; đồng thời trao đổi với cơ quan, người có nhiệm vụ áp giải về tính chất phức tạp của vụ án, mức độ nguy hiểm của bị cáo khi xét thấy cần thiết.

2. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ áp giải căn cứ vào tính chất, đặc điểm của vụ án và các yếu tố khác để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc áp giải bị cáo đến địa điểm mở phiên tòa đúng thời gian, phối hợp với lực lượng bảo vệ phiên tòa bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình áp giải và quá trình xét xử tại phiên tòa.

3. Trong quá trình xét xử, trường hợp phiên tòa tạm nghỉ mà không có điều kiện áp giải bị cáo về cơ sở giam giữ, phải lưu lại tại nơi xét xử thì Tòa án bố trí nơi để quản lý bị cáo; cơ quan, người có nhiệm vụ áp giải có trách nhiệm quản lý, giám sát chặt chẽ, phối hợp với cơ sở giam giữ và người có thẩm quyền ra lệnh trích xuất tổ chức cho bị cáo ăn, uống theo chế độ quy định.

Điều 10. Phối hợp quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam khi đưa đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài cơ sở giam giữ và giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần

1. Trường hợp cơ quan đang thụ lý vụ án cần làm việc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì trao đổi trực tiếp và phải được sự đồng ý của bác sĩ điều trị; phối hợp với cơ sở giam giữ để thực hiện. Trường hợp cần phối hợp quản lý, giám sát chặt chẽ thì cơ quan đang thụ lý vụ án cử cán bộ phối hợp với cơ sở giam giữ để có biện pháp quản lý, giám sát chặt chẽ người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong thời gian khám bệnh, chữa bệnh.

2. Trường hợp cần trưng cầu giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam thì cơ quan đang thụ lý vụ án chủ trì hoàn chỉnh các thủ tục đề nghị giám định, phối hợp với cơ quan, người có nhiệm vụ áp giải người bị tạm giữ, người bị tạm giam đến nơi giám định.

Cơ quan, người có nhiệm vụ áp giải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan giám định quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong quá trình

giám định. Cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm gửi bản sao kết quả giám định cho cơ sở giam giữ.

Trường hợp có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan đang thụ lý vụ án chủ trì, phối hợp với cơ sở giam giữ đưa người bị tạm giữ, người bị tạm giam đến cơ sở chữa bệnh nêu trong quyết định.

Điều 11. Phối hợp giải quyết cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam thăm gặp người thân thích, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo

1. Trường hợp cơ quan đang thụ lý vụ án có yêu cầu giám sát, theo dõi việc thăm gặp, tiếp xúc thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ kịp thời thông báo cho cơ quan đang thụ lý vụ án biết thời điểm thăm gặp, tiếp xúc để cử cán bộ phối hợp với cơ sở giam giữ thực hiện.

2. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người đến thăm gặp, tiếp xúc có hành vi vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ hoặc cản trở việc giải quyết vụ án thì cán bộ giám sát, theo dõi phải nhắc nhở hoặc báo cáo với Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định chấm dứt việc thăm gặp, tiếp xúc; lập biên bản và thông báo bằng văn bản cho cơ quan đang thụ lý vụ án biết.

3. Khi nhận được văn bản thông báo người bào chữa cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam thì cơ sở giam giữ tổ chức cho người bào chữa được gặp người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định và trao đổi với cơ quan đang thụ lý vụ án biết để phối hợp. Trường hợp người bào chữa có yêu cầu gặp người bị tạm giữ, người bị tạm giam tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài cơ sở giam giữ thì cơ sở giam giữ trao đổi trực tiếp và phải được sự đồng ý của bác sĩ điều trị, đồng thời thông báo cho cơ quan đang thụ lý vụ án biết để phối hợp. Người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ phải quản lý, giám sát chặt chẽ không để người bào chữa đưa, chuyển đồ vật cấm cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam hoặc có hành vi vi phạm khác gây cản trở việc giải quyết vụ án.

4. Trường hợp đồng ý yêu cầu tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định cụ thể thời điểm, địa điểm tổ chức tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc tổ chức nhân đạo bằng văn bản, lưu hồ sơ giam giữ.

Điều 12. Phối hợp giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn

1. Khi người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn khỏi cơ sở giam giữ thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ có trách nhiệm tổ chức ngay lực lượng truy bắt đối tượng bỏ trốn, áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bảo vệ hiện trường, lập biên bản, báo cáo vụ việc với cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trực tiếp. Đồng thời thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan đang thụ lý vụ án

và Viện kiểm sát có thẩm quyền phối hợp xử lý.

2. Khi người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn trong trường hợp được trích xuất ra ngoài cơ sở giam giữ hoặc tại phiên tòa thì cơ quan, người có trách nhiệm áp giải phải tổ chức truy bắt ngay đối tượng bỏ trốn, đồng thời thông báo cho cơ sở giam giữ, cơ quan đang thụ lý vụ án và Viện kiểm sát có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

3. Khi nhận được thông báo của Thủ trưởng cơ sở giam giữ về việc người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn, cơ quan đang thụ lý vụ án phối hợp với cơ sở giam giữ và cơ quan có thẩm quyền để áp dụng các biện pháp truy bắt, điều tra, xử lý theo quy định.

Điều 13. Phối hợp giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết

1. Thủ trưởng cơ sở giam giữ có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trực tiếp về vụ việc người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam.

2. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam mà không có nơi cư trú rõ ràng, không xác định được người thân thích, người đại diện hợp pháp của người chết thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ trao đổi, thống nhất với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có thẩm quyền để tổ chức mai táng.

3. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam mà người thân thích có đơn đề nghị bàn giao tử thi về mai táng thì cơ quan điều tra có thẩm quyền phải trao đổi với cơ sở giam giữ những thông tin liên quan đến việc bảo đảm an ninh, trật tự và vệ sinh môi trường đối với trường hợp giải quyết cho người thân thích của người chết có đơn đề nghị xin nhận tử thi về mai táng.

Điều 14. Phối hợp trong việc trực tiếp kiểm sát và xử lý các vụ, việc đột xuất tại cơ sở giam giữ

1. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát tại cơ sở giam giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Việc kiểm sát hàng ngày, hàng tuần tại cơ sở giam giữ của Viện kiểm sát

phải được vào sổ để theo dõi. Nếu phát hiện vi phạm phải lập biên bản có ký xác nhận của đại diện cơ sở giam giữ và Kiểm sát viên. Việc kiểm sát định kỳ, đột xuất phải có quyết định và do Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Kiểm sát viên được phân công tiến hành, khi kết thúc phải có kết luận bằng văn bản. Trước khi tiến hành kiểm sát định kỳ ít nhất 05 ngày làm việc, Viện kiểm sát có quyết định, kế hoạch gửi cho cơ sở giam giữ. Quyết định, kết luận kiểm sát, kiến nghị và kháng nghị (nếu có) phải được gửi cho cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú cấp trên trực tiếp để phối hợp chỉ đạo. Trường hợp trực tiếp kiểm sát đột xuất thì không cần kế hoạch kiểm sát và không phải gửi trước quyết định.

3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, người bị tạm giữ, người bị tạm giam có hành vi chống phá, gây rối trật tự, phạm tội mới hoặc các vụ, việc đột xuất khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bảo đảm an toàn của cơ sở giam giữ thì cơ sở giam giữ phải báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trực tiếp, cơ quan đang thụ lý vụ án và Viện kiểm sát có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

4. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm bố trí phòng hoặc địa điểm làm việc; cung cấp hồ sơ, tài liệu và báo cáo các nội dung theo yêu cầu để Viện kiểm sát thực hiện kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Phối hợp trong huy động lực lượng của cơ sở giam giữ

1. Cơ quan đang thụ lý vụ án nếu có yêu cầu cơ sở giam giữ cử người tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động tố tụng hình sự thì phải có văn bản trao đổi trước thời hạn 03 ngày làm việc với cơ sở giam giữ về nội dung, yêu cầu phối hợp, số lượng người tham gia, thời gian, địa điểm thực hiện.

2. Đối với các trường hợp tiến hành hoạt động tố tụng hình sự trong cơ sở giam giữ thì cơ quan, người tiến hành tố tụng phải trao đổi thống nhất với Thủ trưởng cơ sở giam giữ về nội dung, yêu cầu cần phối hợp và chấp hành pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam hết hiệu lực từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành.

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thi hành

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để có hướng dẫn, giải quyết kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ QUỐC PHÒNG** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ CÔNG AN** **THỨ TRƯỞNG**
Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu	**Thượng tướng Lê Văn Tuyến**
KT. VIỆN TRƯỞNG **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO** **PHÓ VIỆN TRƯỞNG**	**KT. CHÁNH ÁN** **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **PHÓ CHÁNH ÁN**
Trần Hải Quân	**Nguyễn Văn Tiến**

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử các Bộ, Ngành: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Công báo;
- Lưu: VT (BCA, BQP, VKSNDTC, TANDTC), V03, C11(P1).